

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH 2**

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

1. Tên học phần: Tiếng Anh 2

2. Mã học phần: TANH 002

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ: Sinh viên đại học năm thứ 2

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành học phần tiếng Anh 1.

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trịnh Thị Chuyên	0913.601.619	chuyennna@gmail.com
2	ThS. Tăng Thị Hồng Minh	0913.592.866	Tang.huyminh@gmail.com
3	ThS. Vũ Thị Lương	0989.670.521	Luongnn78@gmail.com
4	ThS. Phạm Thị Huyền Trang	0977612288	Trang.phamhuyen88@gmail.com
5	ThS. Trần Hoàng Yến	0986596586	yendhsd@gmail.com
6	ThS. Ngô Thị Mỹ Bình	0984188873	tienganhmybinhsd@gmail.com
7	ThS. Trần Thị Mai Hương	0389182331	huongtrakhanhhung@gmail.com
8	ThS. Đặng Thị Minh Phương	0352598717	phuongdhsd@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên từ vựng về các chủ điểm: Âm nhạc, lễ hội, công nghệ, phát minh, thời tiết, kì nghỉ, phương tiện giao thông, công việc, hoạt động, kĩ năng, thói quen văn hóa, chính trị,... Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho sinh viên kiến thức ngữ pháp về động từ to be và động từ thường trong quá khứ, cấu trúc so sánh, will và be going to, have to, mệnh lệnh thức, giới từ và thì hiện tại hoàn thành. Kết cấu mỗi bài học trong học phần gồm 4 phần, mỗi phần đều bao gồm 1 chủ đề về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và phần luyện tập các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề từ vựng cũng như cấu trúc ngữ pháp đó. Kết thúc mỗi bài đều có phần củng cố và ôn tập lại toàn bộ nội dung bài học đó.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

- Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Liệt kê từ vựng thuộc các chủ điểm giao tiếp quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày: Lễ hội, công nghệ, môi trường, công việc, nơi làm việc, thể giới.	1	[1.2.1.1b]
MT1.2	Phân biệt thời động từ: Quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, cấu trúc câu so sánh.	2	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Nói, hội thoại, thuyết minh về các chủ điểm giao tiếp thông thường gắn liền với chủ đề của bài học (lễ hội của địa phương, của thế giới, công việc của bản thân, của người khác, phát minh hoặc thành tựu khoa học)	3	[1.2.2.3]
MT2.2	Nghe hiểu về các chủ điểm giao tiếp thông thường gắn liền với chủ đề của bài học. Đọc hiểu và tóm tắt các đoạn văn về các chủ điểm giao tiếp trong chương trình như đoạn văn miêu tả lễ hội, môi trường, công việc của mình hoặc của người khác, nơi làm việc.	3	[1.2.2.3]
MT2.3	Viết đoạn văn 150-180 từ về các chủ điểm như viết về một lễ hội, một phát minh, một ứng dụng công nghệ, hoặc vấn đề môi trường tự nhiên hiện nay.	4	[1.2.2.3]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	3	[1.2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và	3	[1.2.3.1]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.		

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1	Kiến thức		
CĐR1.1	Trình bày được các từ vựng theo các chủ điểm: Lễ hội, công nghệ, môi trường, công việc, nơi làm việc, thế giới.	1	[2.1.2]
CĐR1.2	Diễn giải cách sử dụng các cấu trúc câu đơn giản: Động từ to be, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định... Phân biệt được các thời động từ: Quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, cấu trúc câu so sánh...	2	[2.1.2]
CĐR2	Kĩ năng		
CĐR2.1	Giới thiệu về một lễ hội ở địa phương mình ở hoặc trên thế giới, thuyết minh về một phát minh, một sản phẩm công nghệ, trình bày về công việc của bản thân hoặc của người khác.	3	[2.2.6]
CĐR2.2	Giao tiếp một cách rõ ràng, lưu loát về các chủ điểm đã được thực hành trên lớp.	3	[2.2.6]
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	3	[2.3.1]
CĐR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[2.3.1]
CĐR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
1	Unit 7- Festival fever 7.1. Vocabulary: Reading: music 7.2. Grammar: Past simple: to be 7.3. Vocabulary: Reading: festivals 7.4. Grammar focus: Past simple affirmative 7.5. Reading and speaking 7.6. Listening 7.7. Real time	X	X	X	X	X	X	X
2	Unit 8- Weird science 8.1. Vocabulary & Reading: everyday technology 8.2. Grammar focus: past simple negative and questions 8.3. Vocabulary & Reading: modern science 8.4. Grammar focus: past simple and question words	X	X	X	X	X	X	X
3	Unit 9 – Go green 9.1. Vocabulary & listening: green lifestyle 9.2. Grammar focus: comparative Adjectives 9.3. Vocabulary & reading: our planet 9.4. Grammar focus: will for predictions 9.5. Vocabulary & listening: weather	X	X	X	X	X	X	X

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	9.6. Reading and Speaking 9.7. Listening and writing 9.8. Real time							
4	Active study 1. Vocabulary 2. Grammar 3. Reading skills 4. Listening skills 5. Speaking skills	X	X	X	X	X	X	X
5	Unit 10 – Getting away 10.1. Grammar focus: superlative Adjectives 10.2. Reading and speaking 10.3. Vocabulary and speaking: summer holidays 10.4. Grammar focus: be going to 10.5. Vocabulary and reading: transport 10.6. Listening and speaking	X	X	X	X	X	X	X
6	Unit 11 – Nice work? 11.1. Vocabulary & Reading: jobs 11.2. Grammar focus: have to 11.3. Listening & Reading 11.4. Grammar focus: prepositions 11.5. Vocabulary & speaking: personal qualities	X	X	X	X	X	X	X

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
	11.6. Vocabulary & Reading: jobs 11.7. Listening & Reading 11.8. Real time							
7	Unit 12 – Our world 12.1. Reading & Speaking 12.2. Grammar focus: If - imperative 12.3. Vocabulary & Reading: politics 12.4. Grammar focus: Present perfect 12.5. Reading & Vocabulary 12.6. Listening & Speaking	X	X	X	X	X	X	X
8	Active study 1. Vocabulary 2. Grammar 3. Reading skills 4. Listening skills 5. Speaking skills	X	X	X	X	X	X	X

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá
CĐR1	Bài tập thực hành, bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa học phần
CĐR2	Bài tập thực hành, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CĐR3	Bài tập thực hành hội thoại trong các giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà của sinh viên	1 điểm	20%	
2	Kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	
3	Thi kết thúc học phần	Hình thức thi: Trắc nghiệm Thời gian: 120 phút	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học.

- Điểm thực hành hội thoại được đánh giá theo hai nội dung: Trình bày nội dung hội thoại theo chủ đề, cách sử dụng từ vựng, cấu trúc, phát âm, ngữ điệu và tư thế, tác phong, ngôn ngữ cơ thể khi thực hành hội thoại.

- Thi giữa học phần diễn ra vào tuần số 8 theo chương trình học phần, trong quá trình thi nói sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Nội dung thi giữa học phần gồm các chủ đề đã học từ bài số 7-9 với các yêu cầu:

- + Phát âm chuẩn, lưu loát
- + Bố cục bài nói cụ thể, rõ ràng
- + Nội dung bài nói đảm bảo thời gian (7 phút)
- + Trả lời được câu hỏi của giáo viên về chủ đề nói

Điểm chấm bài kiểm tra giữa học phần được đánh giá theo đáp án.

- Thi kết thúc học phần diễn sau khi kết thúc học phần 1 tuần (theo kế hoạch của phòng Đào tạo), trước khi thi sinh viên được giảng viên phụ đạo ít nhất 1 buổi. Đề thi được trưởng bộ môn và phòng QLCL chọn một cách ngẫu nhiên và được đồng bộ trên phần mềm thi trắc nghiệm trên máy tính. Trong quá trình thi sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Nội dung kết thúc học phần gồm 2 phần (Thi Nghe và Đọc hiểu). Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

12. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc thêm các tài liệu về từ vựng và ngữ pháp, hội thoại tiếng Anh.

- Yêu cầu về làm bài tập: Làm đầy đủ các bài tập lớn và bài tập trong giờ thực hành, tham gia phát biểu xây dựng bài.

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và dụng cụ trước khi đến lớp. Thực hiện tốt chủ đề tự học. Ghi chép và tích cực làm bài tập được giao tại lớp.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo yêu cầu. Sinh viên vắng mặt trên 20% giờ học không được phép thi kết thúc học phần.

- Yêu cầu về kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ: Sinh viên vắng thi sẽ bị điểm 0 ngoại trừ trường hợp vắng thi có lý do chính đáng theo quy chế quản lý các hoạt động đào tạo của trường Đại học Sao Đỏ.

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu bắt buộc:

[1]. Marty Hobbs Julia Starr Keddle, *Real life – Elementary – Students’ book*, Pearson Longman.

- Tài liệu tham khảo:

[2]. Raymond Murphy, *English Grammar in Use*, Cambridge Press.

14 . Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
1	<p>Unit 7. Festival fever</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng lễ hội. - Hiểu và sử dụng thành thạo động từ thường chia ở thì quá khứ đơn (thể khẳng định). - Hội thoại về những việc đã làm trong lễ hội. - Nhắc lại các từ vựng lễ hội. - Đọc hiểu và nói lại thành thạo những gì đã xảy ra trong quá khứ sử dụng động từ thường chia ở thì quá khứ đơn. - Nghe hiểu về những việc đã làm trong lễ hội. - Viết và nói được về một lễ hội ở địa phương. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>7.1. Vocabulary and reading: Music</p> <p>7.2. Grammar: Past simple of tobe</p> <p>7.3. Vocabulary and reading: Festivals</p>	4 (4LT,0TH)	<p>Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Phát vấn; Thảo luận nhóm</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cấu trúc và cách sử dụng thì quá khứ đơn đối với động từ tobe và động từ thường. + Nêu các từ vựng về chủ đề âm nhạc, lễ hội. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, chữa bài cho sinh viên trong lớp. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tìm hiểu cách chia động từ tobe ở quá khứ tài liệu [2]. + Hoàn thành các bài tập 1-8 trang 56-57 TL [1] + Liệt kê các từ vựng có liên quan đến âm nhạc. + Liệt kê được các từ vựng liên quan đến lễ hội. + Tìm hiểu cách sử dụng động từ thường ở thời quá 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	7.4. Grammar focus: Past simple affirmative 7.5. Reading and speaking 7.6. Listening 7.7. Real time		khứ đơn trong tài liệu [2]. + Hoàn thành bài tập trang 58-63 phần bài tập tài liệu [1]. + Trình bày về một lễ hội + Viết về một lễ hội ở địa phương mình.	
2	Unit 8. Weird science Mục tiêu bài: - Trình bày các từ vựng liên quan đến phát minh, công nghệ và sáng tạo. - Hiểu và sử dụng thành thạo động từ thường chia ở thì quá khứ đơn (thể phủ định và thể nghi vấn.) - Hội thoại về những việc đã làm trong quá khứ. - Nhắc lại các từ vựng về công nghệ, phát minh. - Nghe hiểu và nhắc lại các động từ thường chia ở thì quá khứ đơn. - Hội thoại về những phát minh, công nghệ đã có từ xưa. Nội dung cụ thể: 8.1. Vocabulary & Reading: Everyday technology 8.2. Grammar focus: Past simple negative and questions 8.3. Vocabulary & Reading: Modern science 8.4. Grammar focus: Past simple and question words 8.5. Listening and speaking 8.6. Vocabulary &	4 (4LT,0TH)	Thuyết trình; Đặt vấn đề; Phát vấn, trực quan; Thảo luận nhóm. - Giảng viên: + Giải thích các khái niệm, định nghĩa, và từ vựng về chủ đề công nghệ, phát minh. + Nêu vấn đề cần giải quyết. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Chữa bài cho sinh viên. - Sinh viên: + Liệt kê các từ vựng liên quan đến phát minh, công nghệ và khoa học. + Tìm hiểu cách thành lập câu hỏi với thì quá khứ đơn trong tài liệu [2]. + Lập hội thoại hỏi đáp về các hoạt động cuối tuần. + Hoàn thành bài tập trang 64-67 phần bài tập tài liệu [1]- Hệ thống lại từ vựng, ngữ pháp của Unit 7-Unit 8. + Hoàn thành bài tập trang 70-71 tài liệu [1]. + Tra từ mới phần Reading trang 71 tài liệu [1]. + Nói về một phát minh hữu ích với con người.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	Reading: Inventions 8.7. Listening and speaking		+ Hoàn thành bài viết về một phát minh.	
3	Active study 4 Mục tiêu bài: - Nhắc lại các từ vựng về lễ hội, công nghệ, phát minh. - Trình bày được cấu trúc động từ ở thì quá khứ đơn. - Hội thoại về lễ hội, phát minh, công nghệ. Nội dung cụ thể: 1. Vocabulary 2. Grammar 3. Reading skills 4. Listening skills 5. Speaking skills	2 (2LT,0TH)	Thuyết trình; Đặt vấn đề; Phát vấn, trực quan, giảng giải nội dung bài ôn tập - Giảng viên: + Phát âm mẫu các từ vựng. + Nhắc lại cấu trúc ngữ pháp, hướng dẫn sinh viên làm bài ôn tập. - Sinh viên: + Hệ thống lại từ vựng, ngữ pháp của Unit 7-Unit 8. + Hoàn thành bài tập trang 70-71 tài liệu [1]. + Tra từ mới phần Reading trang 71 tài liệu [1].	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4,
4	Unit 9. Go green Mục tiêu bài: - Trình bày các từ vựng liên quan đến chủ đề môi trường. - Hiểu và sử dụng thành thạo cấu trúc so sánh của tính từ, cách nói phỏng đoán, thời tiết - Hội thoại về thời tiết, môi trường, biến đổi khí hậu. - Nhắc lại các từ vựng liên quan đến chủ đề môi trường. - Nghe và nhắc lại về chủ đề môi trường, vận dụng để viết về vấn đề môi trường. - Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề môi trường hiện nay và tương lai. Nội dung cụ thể: 9.1. Vocabulary &	6 (4LT,2KT)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Trực quan kết hợp với phát vấn, Tổ chức kiểm tra giữa học phần bằng hình thức vấn đáp. - Giảng viên: + Giải thích cấu trúc so sánh của tính từ, cách nói phỏng đoán, thời tiết. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho sinh viên. + Chữa bài. - Sinh viên: + Tìm hiểu cấu trúc so sánh hơn của tính từ, cách dùng Will chỉ sự phỏng đoán trong tài liệu [2]. + Hoàn thành bài tập trang 74-77 TL [1].	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	listening: Green lifestyle 9.2. Grammar focus: Comparative Adjectives 9.3. Vocabulary & reading: Our planet 9.4. Grammar focus: Will for predictions 9.5. Vocabulary & listening: Weather 9.6. Reading and Speaking 9.7. Listening and writing 9.8. Real time Kiểm tra giữa học phần		+ Thiết lập đoạn hội thoại về thời tiết, môi trường, biến đổi khí hậu. + Liệt kê các từ vựng liên quan đến phong cách, thời tiết. + Tra từ mới phần bài đọc trang 76 tài liệu [1]. + Hoàn thành bài tập tr.78-81 phần workbook tài liệu [1]. + Hoàn thành bài viết về vấn đề môi trường hiện nay. + Sinh viên bốc thăm chủ đề, thực hiện kiểm tra nói giữa học phần.	
5	Unit 10. Getting away Mục tiêu bài: - Nhắc lại các từ vựng liên quan đến kì nghỉ hè. - Trình bày cấu trúc so sánh hơn nhất của tính từ. - Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề môi trường hiện nay và tương lai. - Trình bày từ vựng liên quan đến chủ đề giao thông vận tải. - Trình bày cấu trúc nói về kế hoạch trong tương lai. - Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề giao thông. Nội dung cụ thể: 10.1. Grammar focus: Superlative Adjectives 10.2. Reading and speaking 10.2. Vocabulary and speaking: Summer holidays	4 (4LT,0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Giảng giải; Thảo luận nhóm. - Giảng viên: + Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề. + Giải thích các cấu trúc, các sử dụng thì tương lai. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Chữa bài cho sinh viên. - Sinh viên: + Tìm hiểu cách dùng và cấu trúc câu so sánh nhất của tính từ trong tài liệu [2]. + Liệt kê các từ vựng liên quan đến kì nghỉ hè. + Hoàn thành các bài tập trang 82-85 phần workbook tài liệu [1]. + Liệt kê các từ vựng liên	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.4, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	10.4. Grammar focus: Tobe going to V 10.5. Vocabulary and reading: Transport 10.6. Listening and speaking		quan đến chủ đề giao thông vận tải. + Tra từ mới phần bài đọc trang 84 tài liệu [1]. + Hoàn thành bài tập trang 86-87 phần workbook tài liệu [1].	
6	Active study 5 Mục tiêu bài: - Nhắc lại các từ vựng liên quan đến môi trường, giao thông vận tải. - Trình bày cấu trúc so sánh hơn nhất của tính từ, nói về kế hoạch tương lai, phỏng đoán tương lai... - Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề môi trường hiện nay và tương lai. Nội dung cụ thể: 1. Vocabulary 2. Grammar 3. Reading skills 4. Listening skills 5. Speaking skills	2 (2LT,0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Giảng giải; Thảo luận nhóm. - Giảng viên: + Giải thích cấu trúc so sánh hơn nhất của tính từ, nói về kế hoạch tương lai, phỏng đoán tương lai... + Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Chữa bài cho sinh viên. - Sinh viên: + Hệ thống lại từ vựng, ngữ pháp của Unit 9-Unit 10. + Hoàn thành bài tập trang 88-89 tài liệu [1]. + Tra từ mới phần Reading trang 87 tài liệu [1].	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4,
7	Unit 11. Nice work? Mục tiêu bài: - Nhớ được các từ vựng liên quan đến công việc. - Trình bày cấu trúc nói về trách nhiệm, sử dụng được đúng các giới từ cơ bản. - Trình bày quan điểm của bản thân về phẩm chất, tính	4 (4LT,0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Phát vấn kết hợp với trực quan giảng giải nội dung bài học. - Giảng viên: + Giải thích cấu trúc câu với các giới từ cơ bản, các từ vựng về chủ đề công việc. + Nêu vấn đề qua các ví dụ,	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR3.1,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	<p>cách của con người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc lại các từ vựng liên quan đến công việc. - Trình bày và lấy ví dụ với cấu trúc chỉ trách nhiệm, với các giới từ. - Đọc hiểu và đưa ra quan điểm của bản thân về vấn đề công việc hiện nay. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>11.1. Vocabulary & Reading: Jobs</p> <p>11.2. Grammar focus: Have to</p> <p>11.3. Listening & Reading</p> <p>11.4. Grammar focus: Prepositions</p> <p>11.5. Vocabulary & speaking: Personal qualities</p> <p>11.6. Vocabulary & Reading: Jobs</p> <p>11.7. Listening & Reading</p> <p>11.8. Real time</p>		<p>hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giao bài tập cho lớp và chữa bài cụ thể. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Liệt kê các từ vựng về chủ đề công việc. + Tìm hiểu cách dùng động từ have to trong tài liệu [2]. + Hoàn thành các bài tập trang 90-93 TL [1]. + Đọc, tra từ điển bài đọc trang 92 tài liệu [1]. + Thiết lập đoạn hội thoại phỏng vấn xin việc. + Hoàn thành các bài tập trang 94-97 phần workbook tài liệu [1]. + Vận dụng nội dung nghe để viết bài từ 150-200 từ về công việc của mình. 	<p>CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4,</p>
8	<p>Unit 12. Our world</p> <p>Active Study 6</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc lại các từ vựng liên quan đến thế giới, chính trị. - Trình bày cấu mệnh lệnh thức, hiện tại hoàn thành. - Thực hành nói về chủ đề chính trị. - Nhắc lại các từ vựng liên quan đến thế giới, chính trị. - Trình bày cấu trúc, lấy ví dụ cho thì hiện tại hoàn thành và mệnh lệnh thức. - Trình bày quan điểm của 	<p>4 (4LT,0TH)</p>	<p>Thuyết trình; Phát vấn kết hợp với trực quan; Giảng giải; Thảo luận nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích các từ vựng liên quan đến thế giới, chính trị. + Trình bày cấu mệnh lệnh thức, hiện tại hoàn thành. + Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Chữa bài cho sinh viên. 	<p>CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4,</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
	bản thân về vấn đề chính trị của một nước Đông Nam Á. Nội dung cụ thể: 12.1. Reading & Speaking 12.2. Grammar focus: If - imperative 12.3. Vocabulary & Reading: Politics 12.4. Grammar focus: Present perfect 12.5. Reading & Vocabulary 12.6. Listening & Speaking Active study 6		- Sinh viên: + Đọc tìm hiểu về mệnh lệnh thức với If trong tài liệu [2]. + Liệt kê các từ vựng liên quan đến chính trị. + Tìm hiểu cấu trúc, cách sử dụng thì hiện tại hoàn thành. + Hoàn thành các bài tập trang 98-101 phần workbook tài liệu [1]. + Tra từ mới phần bài đọc trang 100 tài liệu [1]. + Hoàn thành các bài tập trang 102-109 tài liệu [1]. + Thực hành, nói và viết về hệ thống chính trị của nước Việt Nam.	

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Đăng Tiến

TRƯỞNG BỘ MÔN

Trịnh Thị Chuyên